

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05- 4- 2024

V/v: ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Anh Tuấn

Bà Đỗ Thị Xanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Nhật Lệ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh

Ngày 05 tháng 4 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 13/TLST-HNGĐ, ngày 06/3/2024, về việc: “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 13/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Vũ Mạnh H**, sinh năm 1963; quốc tịch: Việt Nam; nơi cư trú: **tổ A, khu T, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh**; vắng mặt (có đơn đề nghị vắng mặt)

Bị đơn: Bà **Đỗ Thị H1**, sinh năm 1961; quốc tịch: Việt Nam; Địa chỉ: **C Ban Chi Tsuchiyama H, H2, J** vắng mặt (có đơn đề nghị vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông **Vũ Mạnh H** trình bày:

Về tình cảm: ông **Vũ Mạnh H** và bà **Đỗ Thị H1** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 11/7/2002, tại **UBND tỉnh Q**. Năm 2004, ông **H** sang **N** sinh sống cùng bà **H1** nhưng không hạnh phúc. Năm 2007 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, ông **H** trở về Việt Nam và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Ông **H** đề nghị Tòa án giải quyết cho ông ly hôn bà **Đỗ Thị H1**.

Con chung, tài sản chung, nợ chung: không có.

Bị đơn bà **Đỗ Thị H1**: có bản tự khai nội dung về tình cảm, con chung, tài sản chung, nợ chung như ông **H** trình bày và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt tại Tòa án (bản tự khai, đơn xin vắng mặt có chứng nhận lãnh sự tại **T** tại **O, Nhật Bản**).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng, quan hệ pháp luật: ông **Vũ Mạnh H**; sinh năm 1963; nơi ĐKHKTT: **tổ A, khu T, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh** khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh giải quyết ly hôn với bị đơn: bà **Đỗ Thị H1**; sinh năm 1961; quốc tịch: Việt Nam; địa chỉ: **C Ban Chi Tsuchiyama H, H, Nhật Bản**. Đây là quan hệ pháp luật: Tranh chấp hôn nhân gia đình và thẩm quyền thuộc Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ Luật Tố tụng Dân sự và khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông **Vũ Mạnh H**, bị đơn bà **Đỗ Thị H1**, có đơn vắng mặt tại các buổi kiểm tra chứng cứ, hòa giải và xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn ông **Vũ Mạnh H**, bị đơn bà **Đỗ Thị H1**.

[2] Về quan hệ hôn nhân: ông **Vũ Mạnh H** và bà **Đỗ Thị H1** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 11/7/2002, tại **UBND tỉnh Q**. Năm 2004, ông **H** sang **N** sinh sống cùng bà **H1** nhưng không hạnh phúc. Năm 2007, ông **H** trở về Việt Nam và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Như vậy, giữa ông **Vũ Mạnh H** và bà **Đỗ Thị H1** không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo **P**, để kéo dài cuộc hôn nhân không có lợi cho hai bên. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông **Vũ Mạnh H** và xử cho ông **Vũ Mạnh H** được ly hôn với bà **Đỗ Thị H1** là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: ông **Vũ Mạnh H** và bà **Đỗ Thị H1** xác nhận không có, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn ông **Vũ Mạnh H** là người cao tuổi có đơn miễn án phí, lệ phí. Căn cứ điểm đ khoản 1, khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí, lệ phí ủy thác tự pháp cho ông **H**. Trả lại toàn bộ dự phí, lệ phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm đ khoản 1, khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn của ông **Vũ Mạnh H.**

1- Về quan hệ hôn nhân: ông **Vũ Mạnh H** được ly hôn bà **Đỗ Thị H1**.

2- Về án phí dân sự sơ thẩm, lệ phí ủy thác tư pháp và chi phí thực tế:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm và lệ phí ủy thác tư pháp cho ông **Vũ Mạnh H.**

Trả lại ông **Vũ Mạnh H** 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 200.000đ lệ phí ủy thác tư pháp đã nộp theo biên lai số: 0005776 và Biên lai thu tiền phí, lệ phí số: 0097044 ngày 06/3/2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

Ông **Vũ Mạnh H** có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bà **Đỗ Thị H1** có quyền kháng cáo trong thời hạn **01 tháng** kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Thắng